

Bản án số: 43/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05-6-2024
Về việc ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tấn Đ.

2. Bà Phạm Thanh Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 6 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”, theo Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Anh **Trần Văn K**, sinh năm 1989; địa chỉ: **ấp N, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang**.

2- Bị đơn: Chị **Phan Thị Kim T**, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú hiện nay: **ấp X, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang**.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần 02 không lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/12/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Năm 2007 anh **K** và chị **T** cưới nhau, có đăng ký kết hôn năm 2009. Trong thời gian chung sống, chị **T** không toàn tâm toàn ý chung sống với anh **K**; anh **K** làm bao nhiêu tiền cũng đưa hết cho chị **T**

nhưng chị vẫn không hài lòng. Trong thời gian anh **K** đi biển, chị **T** ở nhà có dấu hiệu ngoại tình nhưng anh **K** vẫn cho cơ hội sửa đổi. Năm 2021 chị **T** dẫn 02 con về bên ngoại ở, nhiều lần anh **K** năn nỉ rước về nhưng chị **T** không về và sống ly thân từ đó đến nay. Nay không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Anh **K** và chị **T** có 02 người con chung là **Trần Thị Nguyễn N**, sinh ngày 26/9/2007 (đang sống chung chị **T**) và **Trần Thị Quỳnh N1**, sinh ngày 12/02/2015 (đang sống chung anh **K**). Anh **K** yêu cầu nuôi **Trần Thị Quỳnh N1** và giao cho chị **T** nuôi **Trần Thị Nguyễn Như**. Anh **K** không yêu cầu cấp dưỡng và không yêu cầu vấn đề gì khác.

- Bị đơn là chị **T** vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng và chấp hành nội quy phiên tòa. Bị đơn vắng mặt phiên tòa lần hai không lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là đúng quy định. Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh **K**; giao con là **Trần Thị Quỳnh N1** cho anh **K** trực tiếp nuôi dưỡng; giao **Trần Thị Nguyễn N** cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai yêu cầu về cấp dưỡng và tài sản nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh **K** yêu cầu ly hôn nên Tòa án thụ lý đơn giải quyết theo khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh **K** yêu cầu được ly hôn với chị **T** và yêu cầu giải quyết quyền nuôi con chung, không yêu cầu giải quyết các vấn đề khác nên xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã giải thích các trường hợp được trợ giúp pháp lý miễn phí nhưng các đương sự không ai thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý miễn phí.

[2] Năm 2009 anh **K** và chị **T** đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay anh **K** xác định tình cảm

không còn, không thể hàn gắn nên yêu cầu ly hôn, chị **T** không có ý kiến về yêu cầu của anh **K**.

Xét thấy, anh **K** và chị **T** đã mâu thuẫn thời gian dài, hiện nay mỗi người sống một nơi, Tòa án đã tổ chức hòa giải tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn nhưng chị **T** vắng mặt nên không hòa giải được. Anh chị là vợ chồng nhưng không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau là vi phạm Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cho anh **K** được ly hôn với chị **T**.

[3] Về con chung: Anh **K** và chị **T** có 02 người con chung là **Trần Thị Nguyễn N**, sinh ngày 26/9/2007 (đang sống chung chị **T**) và **Trần Thị Quỳnh N1**, sinh ngày 12/02/2015 (đang sống chung anh **K**). Anh **K** yêu cầu nuôi **Trần Thị Quỳnh N1**.

Thấy rằng, hiện nay cháu **Trần Thị Nguyễn N** đang sống chung và đi làm cùng chị **T**, đã gần đủ tuổi trưởng thành, không có ý kiến gì, anh **K** cũng không liên lạc được. Cháu **Trần Thị Quỳnh N1** đang sống với anh **K** và có nguyện vọng được sống chung với anh **K**. Qua xác minh thì hiện nay anh **K** đủ điều kiện nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu **Trần Thị Nguyễn N** cho chị **T** nuôi dưỡng và giao cháu **Trần Thị Quỳnh N1** cho anh **K** trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng khi ly hôn: Không ai yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung và nợ: Anh **K** trình bày không tài sản chung, không nợ người khác nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[6] Về án phí sơ thẩm: Anh **K** là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh **Trần Văn K** đối với chị **Phan Thị Kim T**. Anh **K** được ly hôn với chị **T**.

2- Về con chung: Giao cháu **Trần Thị Nguyễn N** cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu **Trần Thị Quỳnh N1** cho anh **K** trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trường hợp người trực tiếp nuôi con vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì người không trực tiếp nuôi có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3- Về án phí sơ thẩm: Anh **Trần Văn K** chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005109 ngày 05/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

4- Nguyên đơn (anh **K**) có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn (chị **T**) vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- UBND xã Đông Hưng A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận